

NHỮNG ĐIỂM MỚI CƠ BẢN TRONG LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2003

PGS.TS. TRẦN NGỌC DŨNG *

Ngày 26/11/2003, Quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt Nam đã thông qua Luật hợp tác xã mới. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2004.

Bài viết này đề cập những vấn đề mới cơ bản trong Luật hợp tác xã năm 2003 so với Luật hợp tác xã năm 1996.

1. Những điểm mới về địa vị pháp lý của hợp tác xã

Điểm mới đầu tiên trong phần này là vấn đề các pháp nhân từ nay cũng có thể trở thành xã viên hợp tác xã. Quy định như vậy là thích hợp, vì hiện nay có nhiều pháp nhân có nguyện vọng và nhu cầu gia nhập hợp tác xã để có thể phát huy được các tiềm năng và thế mạnh của mình. Từ lâu nhiều nước trên thế giới cũng đã có quy định như vậy trong luật hợp tác xã của họ.

Điểm mới thứ hai là chính sách của Nhà nước đối với hợp tác xã đã được quy định đầy đủ hơn thành sáu điểm trong Điều 3 và cách thể hiện rất cụ thể và thiết thực như:

- Nhà nước ban hành và thực hiện các chính sách, các chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã về đào tạo cán bộ; phát triển nguồn nhân lực; đất đai; tài chính; tín dụng; xây dựng quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã; áp dụng khoa học và công nghệ; tiếp thị và mở rộng thị trường; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng; tạo điều kiện để hợp tác xã được tham gia các chương

trình phát triển kinh tế- xã hội của Nhà nước;

- Nhà nước bảo đảm địa vị pháp lý và điều kiện sản xuất - kinh doanh của hợp tác xã bình đẳng với các loại hình doanh nghiệp khác;

- Nhà nước không can thiệp vào công việc quản lý nội bộ và hoạt động hợp pháp của hợp tác xã...

Ở nông thôn và trong ngành nông nghiệp, nơi tập trung đến 70% dân số nước ta, Chính phủ quy định cụ thể chính sách ưu đãi đối với hợp tác xã nông nghiệp phù hợp với đặc thù và trình độ phát triển trong từng thời kỳ. Quy định như vậy trong khoản 2 Điều 3 Luật hợp tác xã năm 2003 là thích hợp vì trình độ dân trí, khả năng kinh tế, năng suất lao động... ở nhiều vùng nông thôn của nước ta vẫn còn rất thấp và có nhiều hạn chế. Chính phủ có áp dụng các biện pháp ưu đãi đối với các hợp tác xã nông nghiệp thì mới tạo điều kiện và thúc đẩy các doanh nghiệp này tiến nhanh và tiến kịp các loại hình doanh nghiệp ở các khu vực khác được.

Điểm mới thứ ba là Luật hợp tác xã năm 2003 đã không quy định về các điều lệ mẫu của các loại hình hợp tác xã như Luật hợp tác xã năm 1996. Điều đó có nghĩa là sáu điều lệ mẫu đối với sáu loại hình hợp tác xã được ban hành từ năm 1997 sẽ

* Trường Đại học Luật Hà Nội

không còn hiệu lực. Chính phủ chỉ ban hành mẫu hướng dẫn xây dựng điều lệ hợp tác xã nông nghiệp, quỹ tín dụng nhân dân và điều lệ hợp tác xã phi nông nghiệp. Quy định này là phù hợp vì thực tế những năm vừa qua, việc Chính phủ ban hành sáu bản điều lệ mẫu cho sáu loại hình hợp tác xã đã biểu hiện một số điểm không hợp lý và không có hiệu quả thiết thực; cụ thể là:

- Tuy có sáu bản điều lệ mẫu nhưng nói chung là những bản điều lệ mẫu này đều rất giống nhau về nội dung và hình thức;

- Mỗi hợp tác xã đã không căn cứ vào điều lệ mẫu để xây dựng điều lệ riêng của mình, trong đó thể hiện rõ những đặc điểm và trình độ, khả năng của mình mà đã sao chép gần như nguyên văn điều lệ mẫu làm điều lệ riêng của mình.

Việc khoản 4 Điều 12 Luật hợp tác xã năm 2003 quy định Chính phủ ban hành bản hướng dẫn xây dựng điều lệ cho các hợp tác xã phi nông nghiệp là đúng đắn vì về đặc điểm, bản chất và phương thức hoạt động, bốn loại hình hợp tác xã phi nông nghiệp là hợp tác xã công nghiệp và xây dựng, hợp tác xã vận tải, hợp tác xã thương mại và hợp tác xã thủy sản có nhiều điểm tương đồng với nhau và không cần thiết phải ban hành bốn bản hướng dẫn xây dựng điều lệ cho bốn loại hình hợp tác xã này.

Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hợp tác xã có vai trò hết sức quan trọng. Liên minh các hợp tác xã thế giới quy định trong điều lệ của mình bảy nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hợp

tác xã. Còn Luật hợp tác xã năm 1996 quy định trong Điều 7 năm nguyên tắc. Nhưng Luật hợp tác xã năm 2003 quy định chỉ còn bốn nguyên tắc. Nguyên tắc “chia lãi” đã được rút từ mục này mà đặt vào vị trí thích hợp hơn là Điều 37 “*phân phối lãi*”.

Về quyền của hợp tác xã, Luật hợp tác xã năm 2003 quy định hợp tác xã có 12 quyền, nhiều hơn 2 quyền so với quy định trong Luật hợp tác xã năm 1996. Nhưng thực chất chỉ thêm có một quyền, là quyền “*khiếu nại các hành vi vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của hợp tác xã*”. Quy định này là cần thiết, vì trong những năm vừa qua, trong thực tế, có những trường hợp tập thể hoặc cá nhân xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của hợp tác xã nhưng khi hợp tác xã khiếu nại thì sự việc bị các cơ quan có thẩm quyền xem nhẹ hoặc chậm được giải quyết một cách kịp thời, dứt điểm, làm ảnh hưởng xấu đến sự ổn định và phát triển của hợp tác xã.

2. Những quy định mới về thành lập và đăng ký kinh doanh

Điểm mới đầu tiên trong mục này là ở chỗ Luật hợp tác xã năm 2003 quy định: Đối với tất cả các loại hình hợp tác xã, số xã viên tối thiểu là 7, trong khi các điều lệ mẫu (năm 1997) của các loại hình hợp tác xã quy định số xã viên tối thiểu khác nhau (từ 5 đến 20 xã viên). Việc quy định số lượng xã viên tối thiểu là 7 là thích hợp, không nhiều quá, không ít quá vì tại thời điểm hiện nay, 7 xã viên với những khả năng về sức lực, kinh nghiệm, tài chính...

của họ cũng đủ để có thể thành lập một hợp tác xã hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Một kết quả điều tra cho thấy hiện nay, ở những hợp tác xã mới được thành lập, giá trị mỗi cổ phần người xã viên góp vào hợp tác xã là từ 5 đến 20 triệu đồng, nhiều hợp tác xã có số vốn góp từ 500 triệu đến 700 triệu đồng.⁽¹⁾

Về nội dung thảo luận tại Hội nghị thành lập hợp tác xã, Điều 11 Luật hợp tác xã năm 2003 quy định thêm một vấn đề là: *“Hội nghị quyết định thành lập riêng hay không thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành... Đối với hợp tác xã thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành, thì... quyết định thuê hoặc bầu chủ nhiệm hợp tác xã”*.

Điều 12 của Luật hợp tác xã quy định Điều lệ của hợp tác xã có thêm các nội dung sau:

e) Nguyên tắc và đối tượng đóng bảo hiểm bắt buộc;

i) Thẩm quyền và phương thức huy động vốn;

k) Nguyên tắc trả công;

l) Thể thức quản lý, sử dụng, bảo toàn và xử lý tài sản chung;

n) Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã;

p) Chế độ xử lý vi phạm điều lệ hợp tác xã và nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;

q) Thể thức sửa đổi điều lệ hợp tác xã;

r) Các quy định khác do Đại hội xã viên quyết định nhưng không trái với quy định của pháp luật.

Những quy định được bổ sung nêu trên

tạo điều kiện cho hợp tác xã có địa vị bình đẳng như các loại hình doanh nghiệp khác trong nền kinh tế nhiều thành phần hiện nay. Theo các quy định này, hợp tác xã có thêm quyền chủ động, tự chủ trong tổ chức, quản lý cũng như trong sản xuất, kinh doanh để đạt được hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất.

Để giảm bớt sự phiền hà mà các hợp tác xã gặp phải khi đăng ký kinh doanh, Luật hợp tác xã năm 2003 quy định trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, các hợp tác xã không cần phải nộp phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và giấy phép hành nghề. Quy định như vậy là thích hợp, bởi vì khi đã thành lập hợp tác xã, tập thể các xã viên đều xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, xây dựng kế hoạch “đầu vào” và “đầu ra” của hợp tác xã một cách cụ thể, thiết thực để đạt được mục đích là sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, đem lại những lợi ích cụ thể cho các xã viên. Đó là nghĩa vụ, trách nhiệm của những người sáng lập, những người lãnh đạo hợp tác xã cũng như của toàn thể xã viên hợp tác xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh không cung cấp vốn, cũng khó có thể nhận định phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của hợp tác xã là khả thi hay không khả thi đồng thời, cơ quan đăng ký kinh doanh cũng không phải và không nên chịu trách nhiệm thay cho các hợp tác xã trong việc xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của họ.

Từ khi ban hành Luật doanh nghiệp (1999), Chính phủ cũng đã ra quyết định

huỷ bỏ hàng trăm loại giấy phép con cho các doanh nghiệp, trong đó có các hợp tác xã, để tạo sự thông thoáng và chủ động, sự tự chịu trách nhiệm cho các doanh nghiệp. Chi đối với việc kinh doanh một số ngành nghề nhất định (như khám, chữa bệnh; sản xuất và kinh doanh thuốc; giao thông vận tải...) thì hợp tác xã mới cần phải có giấy phép hành nghề. Nhưng để tránh sự phiền hà cho các hợp tác xã này, Luật hợp tác xã năm 2003 cũng đã không quy định việc phải có giấy phép hành nghề trong hồ sơ xin đăng ký kinh doanh của hợp tác xã.

Về cơ quan đăng ký kinh doanh, Luật hợp tác xã năm 2003 không có quy định phân chia các loại cơ quan đăng ký kinh doanh với nhiều cấp khác nhau đối với từng loại hợp tác xã, đối với từng ngành nghề sản xuất, kinh doanh như quy định trong Luật hợp tác xã năm 1996. Theo Điều 14, hợp tác xã có thể đăng ký kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện hoặc cấp tỉnh, tùy theo điều kiện cụ thể của hợp tác xã. Quy định này tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã, giảm bớt chi phí về thời gian, tiền bạc, công sức của cán bộ hợp tác xã khi tiến hành thủ tục đăng ký kinh doanh.

Pháp luật hiện hành không có quy định nào về giới hạn quy mô cũng như giới hạn về ngành nghề đối với hợp tác xã. Do đó, để kinh doanh có hiệu quả, hợp tác xã có thể lập ra các doanh nghiệp trực thuộc với nhiều quy mô và ngành nghề khác nhau. Khoản 2 Điều 16 Luật hợp tác xã năm 2003 cho phép các hợp tác xã có quyền

thành lập các doanh nghiệp trực thuộc. Quy định này là phù hợp với thực tế, vì hiện nay, đôi khi quy mô của hợp tác xã rất lớn, bao gồm nhiều cửa hàng, chi nhánh, đơn vị khác nhau.

3. Những điểm mới trong chế định xã viên

Chế định xã viên luôn luôn giữ vị trí trung tâm trong các quy định về hợp tác xã bởi vì xã viên là người chủ chân chính trong hợp tác xã. Các xã viên là những người có quyền quyết định cao nhất về mọi vấn đề trong hợp tác xã.

Luật hợp tác xã năm 2003 có quy định mở rộng phạm vi đối tượng được kết nạp làm xã viên hợp tác xã. Nếu như theo Luật hợp tác xã năm 1996, chỉ có cá nhân hoặc hộ gia đình mới có khả năng được kết nạp làm xã viên hợp tác xã thì Điều 17 Luật hợp tác xã năm 2003 đã cho phép cán bộ, công chức, pháp nhân cũng được gia nhập hợp tác xã. Quy định này phù hợp với thông lệ quốc tế và có tác dụng thu hút thêm nhiều xã viên có tiềm năng, khả năng về kinh tế, có trình độ khoa học-kỹ thuật cao cũng như có thị trường rộng lớn gia nhập hợp tác xã, thổi thêm những luồng sinh khí mới cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, góp phần bảo đảm sự thành công của phương thức sản xuất, kinh doanh tập thể.

Luật hợp tác xã năm 2003 quy định các cán bộ, viên chức không được tham gia quản lý hoặc điều hành hợp tác xã. Quy định này là hợp lý và cần thiết vì công việc quản lý và điều hành hợp tác xã đòi hỏi người cán bộ phải thường xuyên có mặt tại

hợp tác xã, thường xuyên nắm bắt tình hình để kịp thời đề ra phương án, kế hoạch sát thực tế, đem lại hiệu quả thiết thực cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã. Để thoả mãn được yêu cầu này, người cán bộ, viên chức sẽ không còn thời gian và sức lực để hoàn thành nhiệm vụ chính yếu trong cơ quan của mình.

Về việc chấm dứt tư cách xã viên, Luật hợp tác xã năm 2003 có quy định thêm hai trường hợp tương ứng với các loại xã viên mới của hợp tác xã. Theo Điều 20, tư cách xã viên của hộ gia đình bị chấm dứt khi hộ gia đình không có người đại diện đủ điều kiện theo quy định của điều lệ hợp tác xã. Ngoài ra, nếu xã viên là pháp nhân cũng sẽ bị mất tư cách xã viên khi pháp nhân này bị giải thể, phá sản hoặc không có người đại diện đủ điều kiện theo quy định của Điều lệ hợp tác xã.

4. Những điểm mới về tổ chức, quản lý hợp tác xã

Các cơ quan quản lý và kiểm soát có một vị trí và vai trò vô cùng quan trọng trong hợp tác xã. Sự tổ chức một cách khoa học và hoạt động có kế hoạch, năng động của các cơ quan này quyết định sự thành công trong sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã. Chính vì vậy, so với quy định về thẩm quyền của đại hội xã viên trong Luật hợp tác xã năm 1996, Điều 22 của Luật hợp tác xã năm 2003 đã quy định đại hội xã viên có thẩm quyền quyết định thêm một số công việc như sau:

1) *Quy định tiêu chuẩn xã viên khi tham gia hợp tác xã;*

2) *Quyết định vốn tối thiểu... thẩm quyền và phương thức huy động vốn;*

3) *Xác định giá trị tài sản chung của hợp tác xã;*

4) *Quyết định phân phối lãi theo vốn góp, công sức đóng góp và mức độ sử dụng dịch vụ của các xã viên;*

5) *Quyết định thành lập riêng hay không thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành;*

6) *Quyết định các đối tượng được hợp tác xã đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.*

Không một cơ quan nào ngoài đại hội xã viên, kể cả ban quản trị, trưởng ban quản trị hoặc chủ nhiệm hợp tác xã có thẩm quyền giải quyết những vấn đề này, bởi vì quyết sách về những vấn đề trên là bảo đảm sự thành công của phương thức sản xuất, kinh doanh tập thể trong hợp tác xã. Nếu những vấn đề này không được đại hội xã viên quyết định một cách sáng suốt, khoa học, hợp lý, nhạy bén và kịp thời thì không thể bảo đảm sự thành công trong tổ chức, quản lý và sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã.

Thực hiện đường lối đổi mới quản lý kinh tế hợp tác xã của Đảng thể hiện trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Ban chấp hành trung ương Đảng khoá IX (tháng 2 - 2003), Luật hợp tác xã năm 2003 đã có những quy định phân định chức năng quản lý và chức năng điều hành trong nội bộ hợp tác xã. Cụ thể, Điều 27 đã quy định về cơ cấu hợp tác xã có thành lập một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành, trong đó, ban quản trị là cơ quan quản lý và chủ

nhiệm là người điều hành của hợp tác xã.

Điều 28 Luật hợp tác xã năm 2003 quy định về trường hợp hợp tác xã thành lập riêng bộ máy quản lý và điều hành. Trong các điều nêu trên đều có quy định rõ về các quyền và nhiệm vụ của ban quản trị, các quyền và nhiệm vụ của chủ nhiệm hợp tác xã. Một điều thể hiện tư duy mới của các nhà làm luật ở các điều khoản này là chủ nhiệm và kế toán trưởng của hợp tác xã (cũng như giám đốc trong các loại hình doanh nghiệp khác) là một nghề. Họ có thể là các xã viên được đại hội xã viên bầu ra nhưng cũng có thể là những chuyên gia được hợp tác xã ký hợp đồng làm việc cho hợp tác xã.

Cơ chế phân định rõ chức năng quản lý của ban quản trị và chức năng điều hành của chủ nhiệm tạo điều kiện phát huy tối đa những tiềm năng về tài chính, trình độ quản lý, trình độ điều hành của các cơ quan và cá nhân trong hợp tác xã. *Thí dụ:* Những người có tâm huyết với phương thức kinh doanh tập thể, những người có tiềm năng về tài sản, tài chính có cơ hội là những sáng lập viên của hợp tác xã. Với những sự đóng góp to lớn về vật chất và tinh thần của họ vào hợp tác xã, họ có nhiều khả năng được các xã viên bầu vào ban quản trị của hợp tác xã. Nếu họ còn là người có trình độ văn hoá, có nghiệp vụ quản lý và năng lực điều hành sản xuất, kinh doanh, họ còn có thể được bầu làm chủ nhiệm hợp tác xã. Nhưng nếu trình độ văn hoá của họ không cao, không có nghiệp vụ và khả năng điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã thì hợp

tác xã sẽ thuê người có trình độ, có năng lực điều hành làm chủ nhiệm hợp tác xã để bảo đảm cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất. Việc hợp tác xã thuê chủ nhiệm điều hành cần được coi là bình thường và thiết thực trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Những quy định trên cho thấy chính sách của Đảng cũng như pháp luật hiện hành của Nhà nước ta coi hợp tác xã bình đẳng với các loại hình doanh nghiệp khác (như công ty TNHH, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài...) và cố gắng tạo cơ chế thông thoáng, thuận lợi để cho các cơ quan quản lý và điều hành hợp tác xã hoạt động một cách có hiệu quả nhất.

5. Quy định mới về tài sản và tài chính của hợp tác xã

Tài sản và tài chính là cơ sở và nền tảng vật chất cho mọi hoạt động của hợp tác xã. Luật hợp tác xã năm 2003 có một quy định mới về vấn đề này. Đó là khoản 3 Điều 35 quy định trong hợp tác xã có bộ phận tài sản chung. Quy định này hết sức quan trọng, bởi vì các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế nhiều thành phần phân biệt với nhau ở chỗ chúng có chế độ sở hữu khác nhau đối với tư liệu sản xuất và tài sản. Nếu tài sản thuộc sở hữu tư nhân thì doanh nghiệp đó là doanh nghiệp tư nhân; còn nếu tài sản thuộc sở hữu chung thì đó là doanh nghiệp tập thể. Đã là hợp tác xã, không nhiều thì ít, nhất thiết phải có sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất

và tài sản. Chế độ sở hữu này được hình thành trên cơ sở các quy định từ Điều 217 đến Điều 219 Bộ luật dân sự (1995). Tài sản thuộc sở hữu tập thể của hợp tác xã được hình thành từ nguồn đóng góp của các xã viên, từ thu nhập hợp pháp do sản xuất, kinh doanh, được Nhà nước hỗ trợ hoặc từ các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Quy định mới về liên hiệp hợp tác xã

Luật hợp tác xã năm 2003 tiếp tục khẳng định liên hiệp hợp tác xã là loại hình doanh nghiệp tập thể và được tổ chức và hoạt động theo các nguyên tắc hợp tác xã. Bên cạnh đó, Điều 44 có thêm một quy định mới là *"Liên hiệp hợp tác xã thành lập hội đồng quản trị và ban giám đốc"*.

Người đứng đầu hội đồng quản trị là chủ tịch hội đồng quản trị; người đứng đầu ban giám đốc là giám đốc hoặc tổng giám đốc".

Tuy vậy, cũng như quy định về liên hiệp hợp tác xã trong Luật hợp tác xã năm 1996, quy định về tổ chức và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã trong Luật hợp tác xã năm 2003 vẫn còn khá sơ sài, chưa cụ thể đến mức cần thiết, nên chưa tạo điều kiện thuận lợi cho các liên hiệp hợp tác xã tổ chức và hoạt động một cách khoa học, thiết thực và có hiệu quả. *Thí dụ:* Khoản 1 Điều 44 có ghi *"Các hợp tác xã có nhu cầu và tự nguyện có thể cùng nhau thành lập liên hiệp hợp tác xã"*. Nhưng *"các hợp tác xã"* có nghĩa là từ bao nhiêu hợp tác xã trở lên? từ 2 hay 3 hợp tác xã trở lên? *"nhu cầu"* ở đây là nhu cầu gì? Các hợp tác xã

muốn thành lập liên hiệp hợp tác xã phải có cùng ngành nghề kinh doanh hay có thể khác ngành nghề kinh doanh?

Quy định về mục đích của liên hiệp hợp tác xã cũng còn chung chung, chưa rõ ràng, chưa cụ thể. Khoản 1 Điều 44 quy định mục đích của việc thành lập liên hiệp hợp tác xã là *"nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các hợp tác xã thành viên, hỗ trợ nhau trong hoạt động và đáp ứng các nhu cầu khác của các thành viên tham gia"*. Bên cạnh đó, Luật hợp tác xã chưa quy định các quyền và nghĩa vụ cụ thể mà liên hiệp hợp tác xã cần phải làm để có thể đạt được những mục đích trên.

Rõ ràng là để các liên hiệp hợp tác xã được tổ chức và hoạt động một cách có hiệu quả thì không thể áp dụng một cách máy móc các quy định về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã vào việc tổ chức và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã vì thành viên của hợp tác xã chủ yếu là các cá nhân, còn thành viên của liên hiệp hợp tác xã chỉ là các hợp tác xã (các doanh nghiệp). Luật hợp tác xã cần có những điều khoản riêng quy định về tổ chức và hoạt động của loại hình doanh nghiệp đặc thù này; *thí dụ*, cần có các quy định về:

- a) Điều kiện để hợp tác xã có thể được kết nạp làm thành viên của liên hiệp hợp tác xã;
- b) Số lượng thành viên tối thiểu của một liên hiệp hợp tác xã;
- c) Các quyền và nghĩa vụ của liên hiệp hợp tác xã;
- d) Các cơ quan quản lý và điều hành

liên hiệp hợp tác xã (trong đó có các quyền và nghĩa vụ của các cơ quan này);

d) Tài sản và tài chính của liên hiệp hợp tác xã;

e) Cơ chế hoạt động sản xuất, kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã;

g) Cơ chế phân phối lợi nhuận, chia sẻ rủi ro trong liên hiệp hợp tác xã;

h) Tổ chức lại, giải thể, phá sản liên hiệp hợp tác xã...

Đây là những vấn đề rất cơ bản và thiết thực bảo đảm cho liên hiệp hợp tác xã được tổ chức và hoạt động một cách có hiệu quả và thống nhất trong phạm vi cả nước. Nếu Luật hợp tác xã không có các quy định rõ ràng, cụ thể về những vấn đề trên thì các liên hiệp hợp tác xã sẽ có thể được tổ chức mỗi nơi một khác, không thống nhất và sẽ có những lúng túng, bất cập.

Luật hợp tác xã mới có hiệu lực được 7 tháng. Để các quy định trong đạo luật này đi được vào cuộc sống thì Chính phủ và các bộ, ngành cần khẩn trương ban hành các nghị định và thông tư, chỉ thị hướng dẫn thi hành tới các cơ quan hữu quan và tới các địa phương, cơ sở.

Ngày 12/10/2004, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 177/2004/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hợp tác xã năm 2003. Tuy vậy, một số quy định trong nghị định này vẫn còn chung chung, chưa thật cụ thể, chưa thật hợp lý... nên vẫn khó áp dụng trong thực tế. Chính phủ cũng cần khẩn trương ban hành Mẫu hướng dẫn các hợp tác xã nông nghiệp,

quỹ tín dụng nhân dân và các hợp tác xã phi nông nghiệp xây dựng điều lệ của mình. Mẫu hướng dẫn này không phải là điều lệ mẫu của các loại hình hợp tác xã như trước đây mà là bản hướng dẫn về cách thức xây dựng điều lệ hợp tác xã, yêu cầu về nội dung và hình thức đối với điều lệ hợp tác xã, cơ chế bàn bạc, thảo luận, thông qua và thủ tục đăng ký điều lệ của hợp tác xã.

Ngoài ra, các bộ, ngành cũng cần ban hành các thông tư, chỉ thị cụ thể hoá và hướng dẫn thi hành các điều khoản trong Luật hợp tác xã và Nghị định số 177/2004/NĐ-CP liên quan đến những lĩnh vực mà bộ, ngành mình phụ trách.

Có như vậy thì các quy định của Luật hợp tác xã năm 2003 và Nghị định số 177/2004/NĐ-CP mới được hiểu rõ, nắm vững và thi hành một cách nghiêm túc, thống nhất trong phạm vi cả nước.

Khi hệ thống các văn bản pháp luật về hợp tác xã được xây dựng một cách có kế hoạch, đầy đủ, kịp thời và được thực hiện nghiêm túc trong cuộc sống sẽ góp phần làm cho các hợp tác xã phát huy được vai trò là cùng với các doanh nghiệp nhà nước trở thành nền tảng của nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.⁽²⁾

(1).Xem: Báo nhân dân ngày 21/3/2003.

(2).Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, "Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2001, tr. 98.